CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO

Ngày 31/12/2025	22,250 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-6.9%	-	-

DT thuần
Q4/25
485
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 122| 33.5%
YoY: ▲ 154| 46.4%

LN thuần
Q4/25
58.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.20| -13.6%
YoY: ▲ 29.7| 103%

LN sau thuế
Q4/25
49.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.90| 11.0%
YoY: ▲ 23.0| 87.7%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
23.6%
YoY: +/-▼ 4.5%

ROE
2025
8.6%
YoY: +/-▲ 1.9%

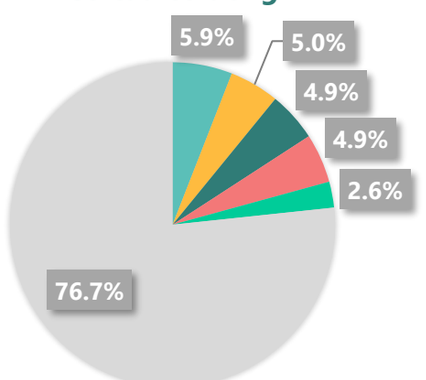
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	17,200 - 27,650
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,402
Số lượng CPLH (CP)	62,999,997
KLGD BQ 20 phiên (CP)	314,230
Sở hữu nước ngoài	2.3%
Beta	0.81
EPS	2,336
P/E	9.5

DT thuần
2025
1,478
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 366| 33.0%

LN thuần
2025
240
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 114| 90.7%

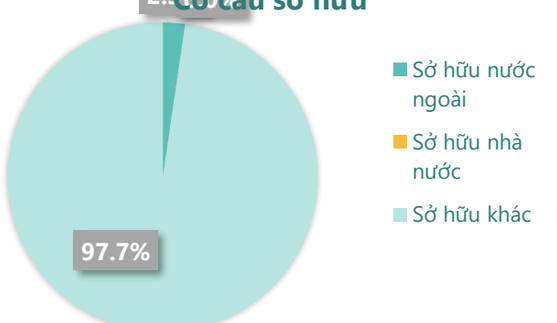
LN sau thuế
2025
176
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 60.0| 51.5%

Cơ cấu cổ đông



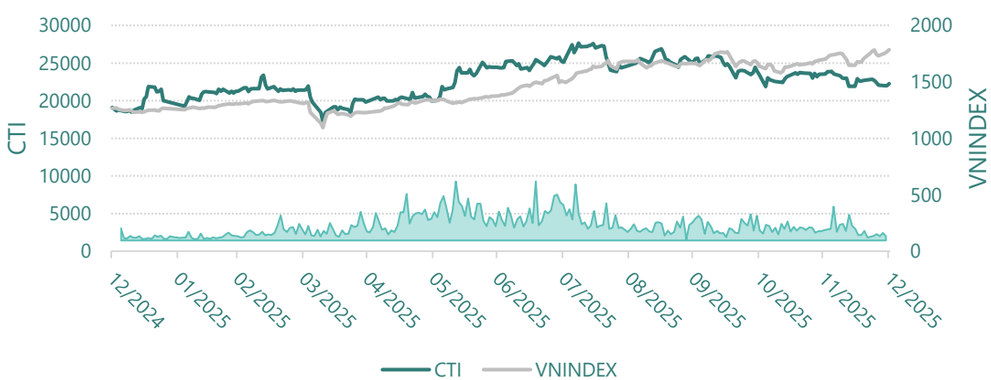
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



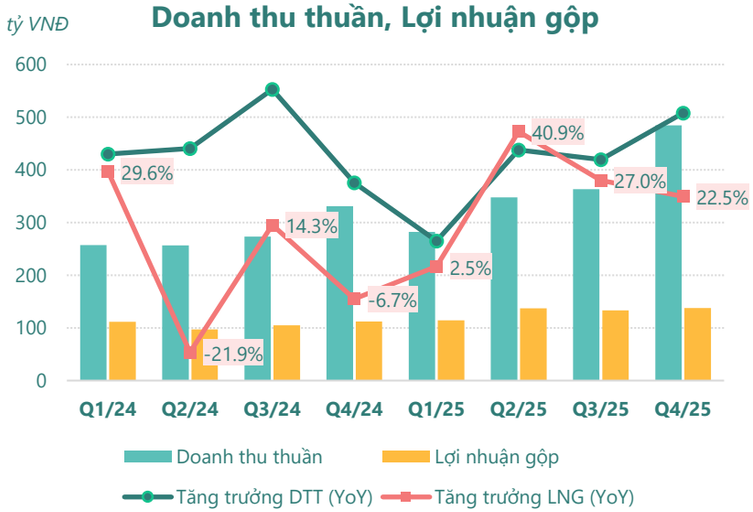
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



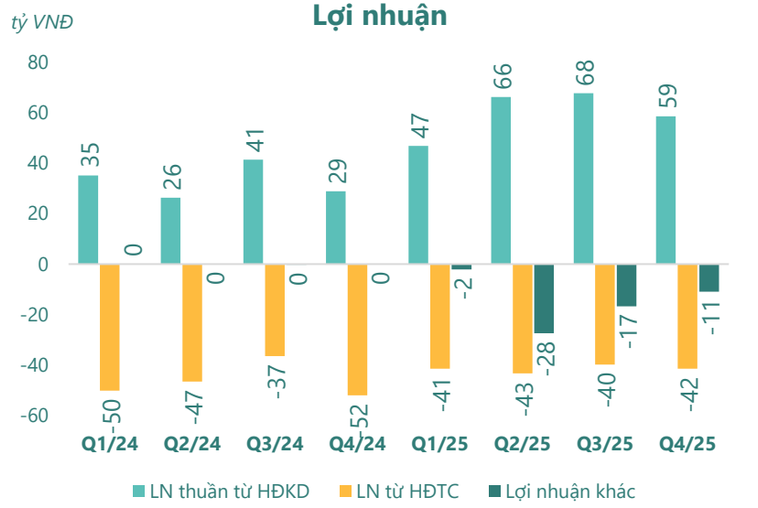
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



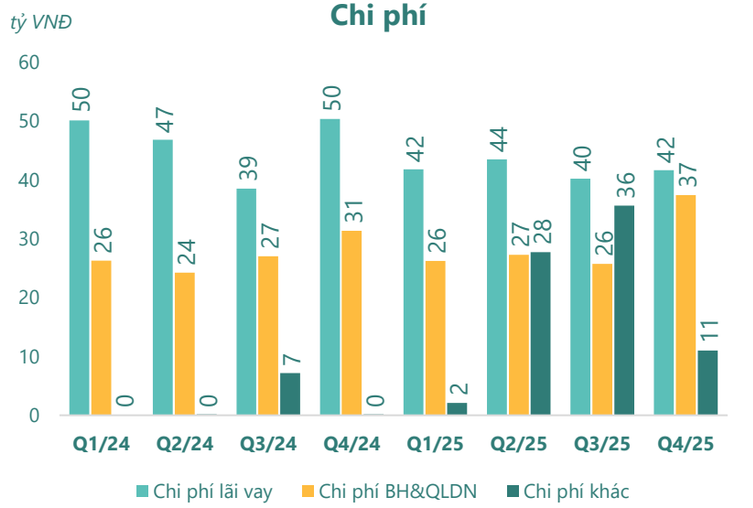
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



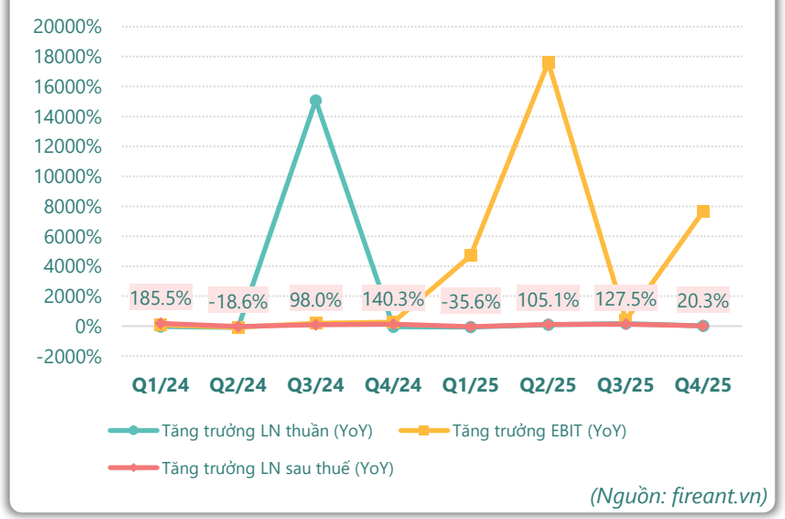
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



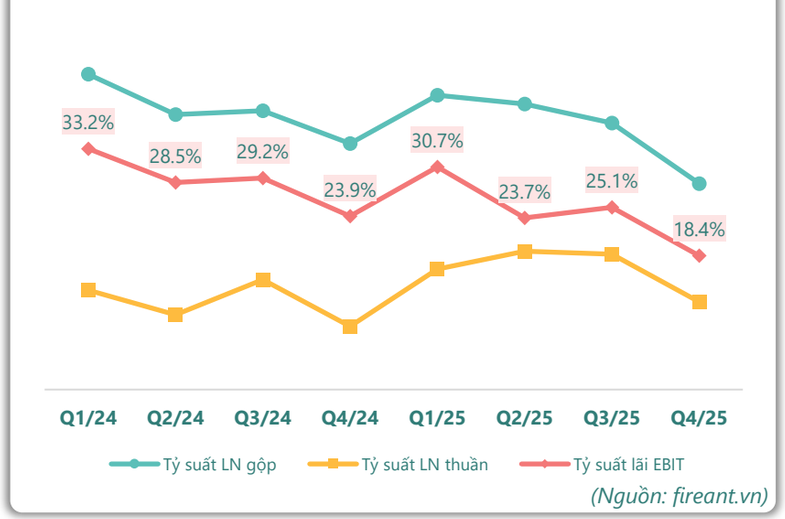
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



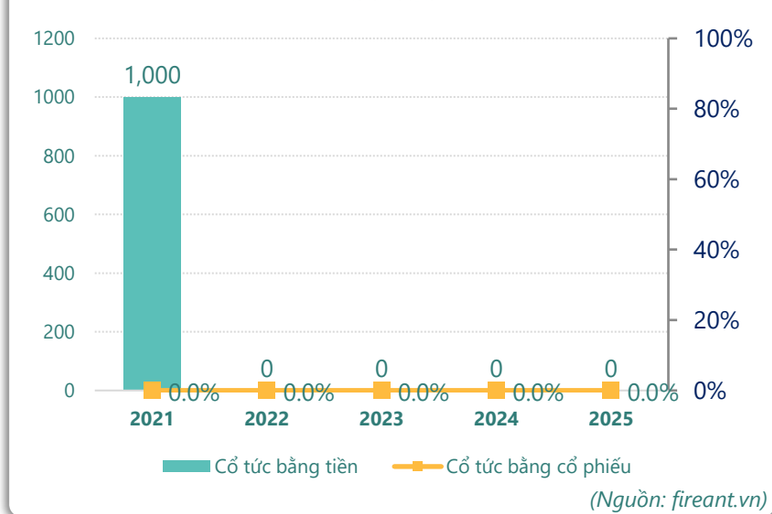
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



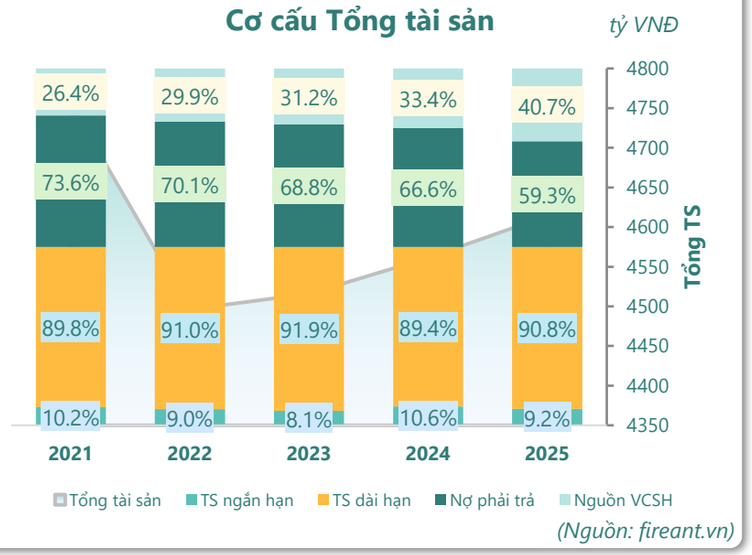
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

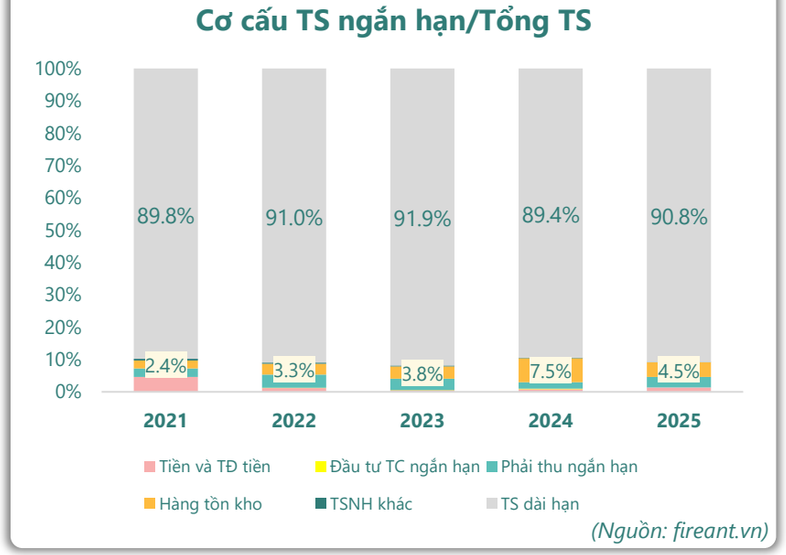


(Nguồn: fireant.vn)

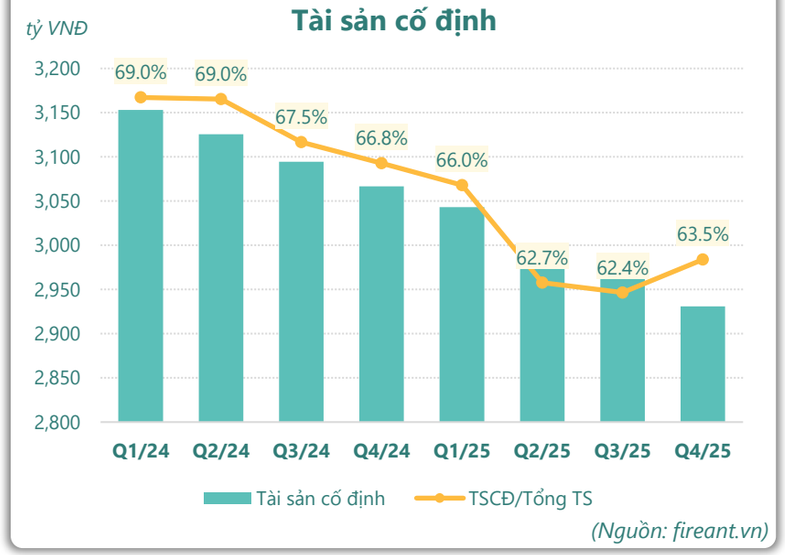
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



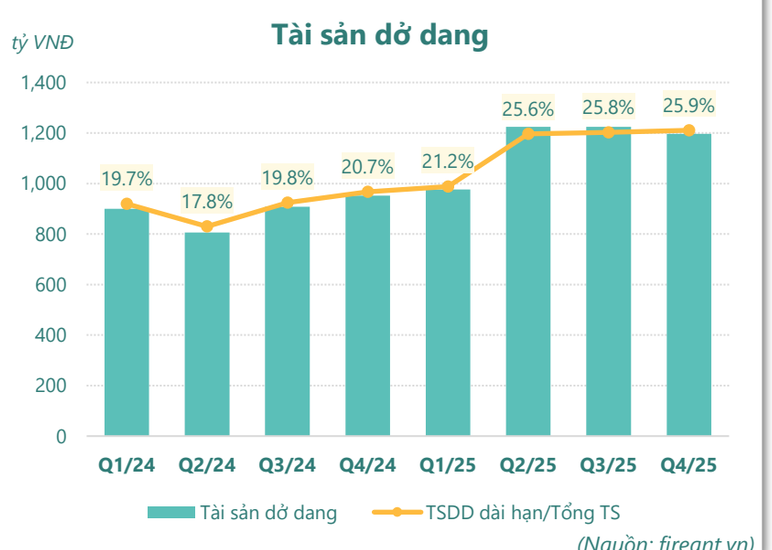
(Nguồn: fireant.vn)



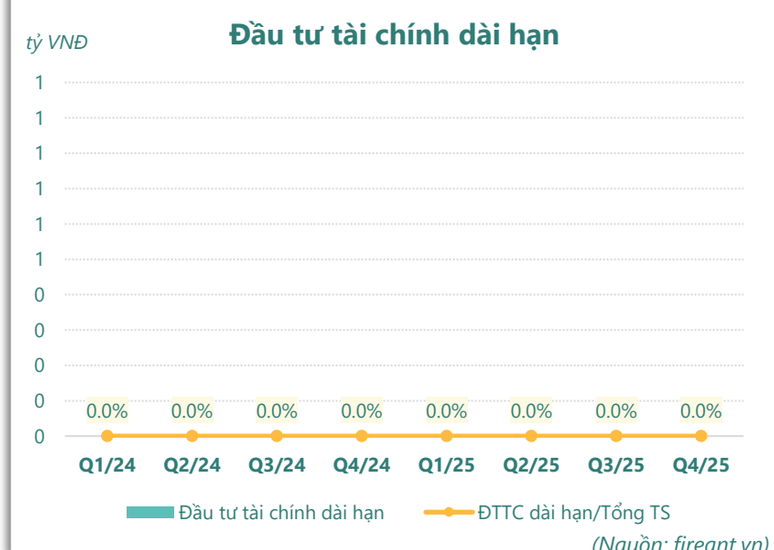
(Nguồn: fireant.vn)



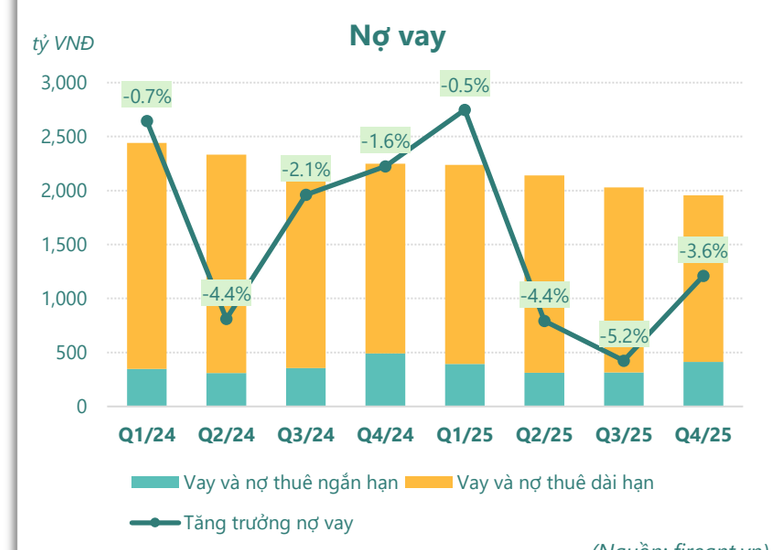
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



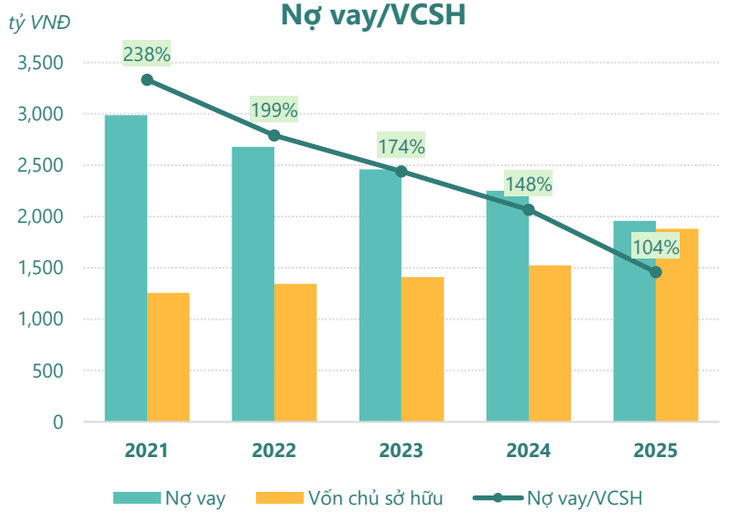
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

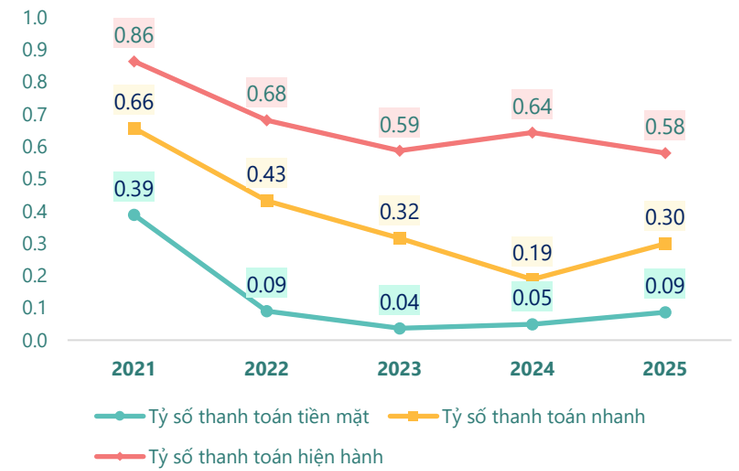
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



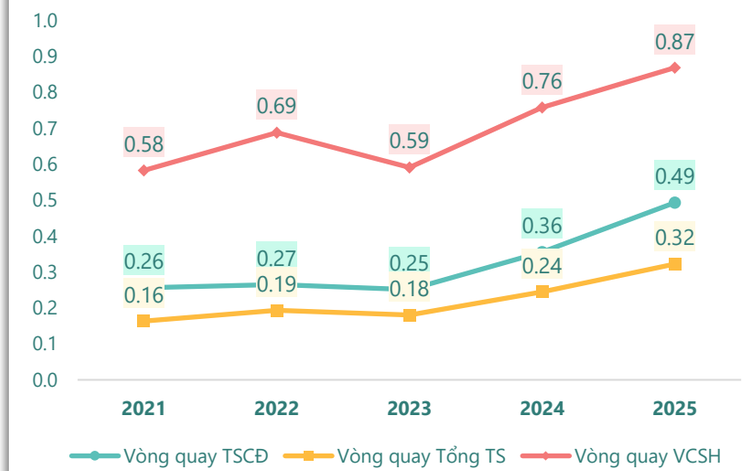
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



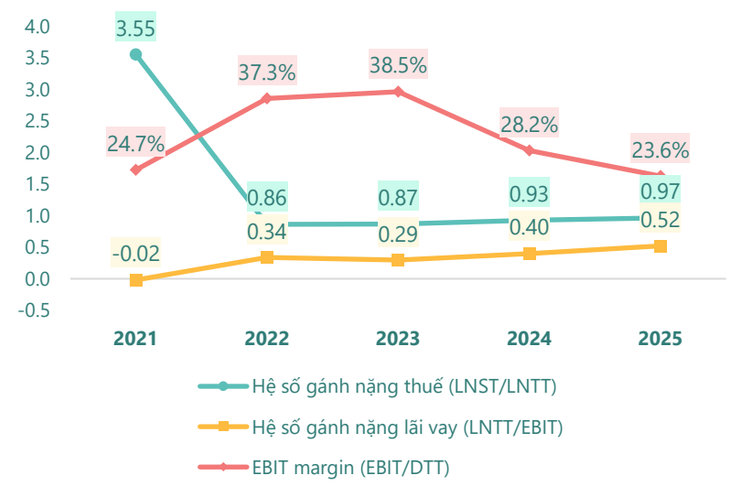
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



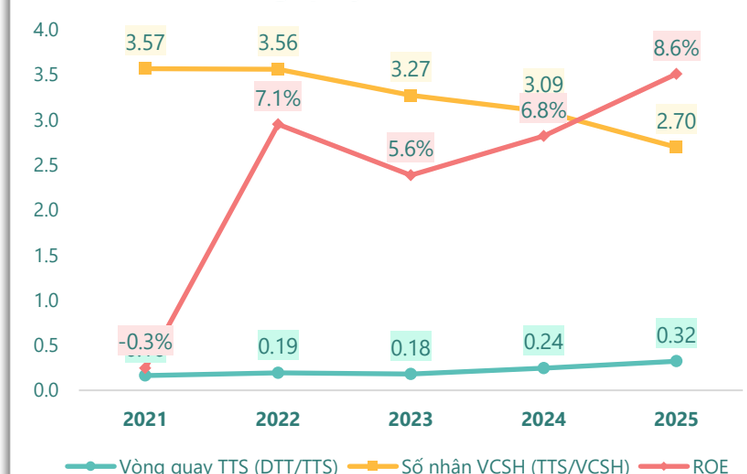
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



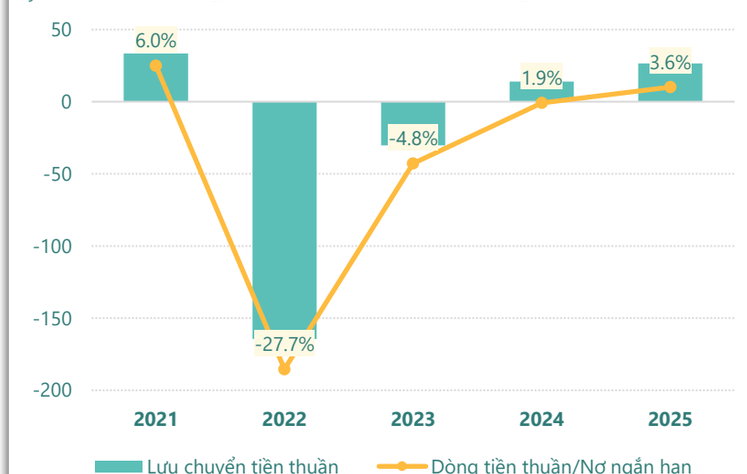
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**485**	**331**	**46.4%**	**1,478**	**1,112**	**33.0%**
Giá vốn hàng bán	347	219	58.4%	956	693	38.0%
Lợi nhuận gộp	138	112	22.8%	523	419	24.8%
Doanh thu HĐTC	0.18	0.20	-10.3%	1.04	0.72	44.7%
Chi phí TC	41.7	52.3	-20.3%	167	188	-11.1%
Chi phí lãi vay	41.7	50.4	-17.3%	167	188	-10.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.00	0.86	15.9%	4.32	4.09	5.5%
Chi phí QLDN	**36.5**	**30.5**	**19.5%**	**112**	**102**	**10.6%**
LN thuần từ HĐKD	58.6	28.9	103%	240	126	90.7%
Lợi nhuận khác	**-11.0**	**-0.09**	**-12068%**	**-57.3**	**-0.48**	**-11823%**
LN trước thuế	47.6	28.8	65.4%	182	125	45.6%
Lợi nhuận sau thuế	**49.2**	**26.2**	**87.7%**	**176**	**116**	**51.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**45.7**	**24.9**	**83.7%**	**147**	**99.1**	**48.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	23.7	51.2	55.8	48.6	234	98.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.26	-59.3	-37.0	-85.4	-153	22.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	4.20	0	-8.91	82.0	-110	-121
Tiền đầu kỳ	28.5	53.2	37.1	46.9	92.0	63.6
Lưu chuyển tiền thuần	**24.7**	**-8.05**	**9.83**	**45.2**	**-28.4**	**0.02**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	53.2	45.1	46.9	92.0	63.6	63.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,614**	**4,561**	**1.2%**
Tài sản ngắn hạn	425	482	-11.7%
Tiền và tương đương tiền	63.6	37.1	71.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	7.48	-100%
Phải thu ngắn hạn	151	91.2	65.8%
Hàng tồn kho	206	341	-39.4%
Tài sản ngắn hạn khác	3.91	5.32	-26.6%
Tài sản dài hạn	**4,189**	**4,080**	**2.7%**
Phải thu dài hạn	18.6	8.52	118%
Tài sản cố định	2,931	3,066	-4.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,197	951	25.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**42.5**	**53.5**	**-20.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,734	3,037	-10.0%
Nợ ngắn hạn	**733**	**749**	**-2.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	414	436	-5.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	155	145	7.2%
Nợ dài hạn	2,001	2,288	-12.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,543	1,814	-14.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,880**	**1,524**	**23.4%**
Vốn chủ sở hữu	**1,880**	**1,524**	**23.4%**
Vốn điều lệ	630	630	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)